

Số: 96 /2003/QĐ-UB

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 7 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
Về việc ban hành Quy chế Quản lý trâu đực giống, bò đực giống
thuộc Dự án Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (sửa đổi) ngày 21/6/1994;

Căn cứ Nghị định số 14/CP ngày 19/3/1996 của Chính phủ "Về việc Quản lý giống vật nuôi" và Thông tư số 09/NN-KNKL/TT ngày 17/9/1996 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thi hành Nghị định số 14/CP ngày 19/3/1996 của Chính phủ "Về việc Quản lý giống vật nuôi";

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ "Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức";

Căn cứ Hiệp định vay vốn số 578-VN giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Quỹ phát triển nông nghiệp quốc tế (IFAD) ký ngày 18/02/2002;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại tờ trình số 612/TT-NN ngày 28/5/2003,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý trâu đực giống, bò đực giống thuộc Dự án Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang (viết tắt là Dự án RIDP).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Ban Phối hợp thực thi dự án RIDP tỉnh (PPCU), Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, Quận đốc các Hợp phần thuộc Dự án RIDP, Trưởng ban Ban phối hợp thực thi Dự án huyện, Thủ trưởng các đơn vị thực thi dự án (tuyến tỉnh và tuyến huyện), Chủ tịch UBND xã (Trưởng Ban phát triển xã) và Trưởng Ban phát triển thôn bản tại các xã thuộc phạm vi Dự án RIDP chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Nơi nhận:

- Bộ KH&ĐT, Bộ TC, Bộ NN&PTNT | Báo cáo
- TTr Tỉnh uỷ, T.Tr HĐND tỉnh
- IFAD, UNOPS (bản dịch),
- Chủ tịch UBND tỉnh; các PCT và các uỷ viên UBND tỉnh,
- Như Điều 2: Thi hành,
- Chánh, phó VP và các CV VP UBND tỉnh,
- Lưu VT.



Hà Phúc Mịch

QUY CHẾ

Quản lý trâu đực giống, bò đực giống
thuộc Dự án Đa dạng hoá thu nhập nông thôn tỉnh Tuyên Quang (RIDP).
(Kèm theo Quyết định số: 96 /2003/QĐ-UB ngày 29/7/2003 của UBND tỉnh).

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng.

Quy chế này quy định cụ thể việc lựa chọn, cung ứng, quản lý trâu đực giống, bò đực giống (sau đây gọi tắt là đực giống) giao cho hộ nông dân chăn nuôi, quản lý, sử dụng, với mục đích để phối giống cho trâu, bò của các hộ chăn nuôi tại các xã thực thi Dự án RIDP thuộc tiểu hợp phần "Cải thiện hoạt động chăn nuôi và thú y" của Hiệp định vay vốn số 578-VN.

Điều 2. Tiêu chuẩn đực giống, quy trình kỹ thuật chăn nuôi và quy trình kỹ thuật phối giống.

1. Tiêu chuẩn đực giống tại Điều 1 và quy trình kỹ thuật chăn nuôi, phối giống của đực giống thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nghiêm cấm việc cung ứng, sử dụng đực giống không đủ tiêu chuẩn về giống và chăm sóc, nuôi dưỡng, sử dụng sai quy trình kỹ thuật.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Điều này.

Điều 3. Cung ứng đực giống.

1. Đực giống được mua từ các nguồn sau:

1.1- Mua trong tỉnh: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tổ chức bình tuyển, lựa chọn đực giống đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 để mua theo chỉ tiêu kế hoạch được giao hàng năm.

1.2- Mua ngoài tỉnh: Công ty Giống Vật tư nông lâm nghiệp Tuyên Quang hoặc các đơn vị chuyên ngành khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ bằng văn bản chịu trách nhiệm mua đực giống ngoài tỉnh.

1.3- Quản lý chất lượng: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, công nhận đực giống đủ tiêu chuẩn để cung ứng theo Quy chế này.

2. Nguồn kinh phí mua đực giống: của Dự án RIDP;

Căn cứ "Kế hoạch công tác và ngân sách hàng năm" của Dự án RIDP, sau khi thống nhất với Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giám đốc Ban Phối hợp

thực thi dự án tỉnh (PPCU) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch số lượng và kinh phí mua đực giống hàng năm.

3. Giá mua, giá bán đực giống:

Sở Tài chính - Vật giá thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giá mua, giá bán đực giống tại Điều này.

Điều 4. Quản lý, sử dụng vốn:

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng vốn mua đực giống theo đúng quy định của Pháp luật và Quy chế này;
2. Sở Tài chính - Vật giá, PPCU có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn mua đực giống của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện.

Chương II: GIAO, NHẬN ĐỰC GIỐNG

Điều 5. Điều kiện được nhận đực giống.

Hộ gia đình được nhận chăn nuôi, sử dụng đực giống (gọi tắt là hộ chăn nuôi), khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có hộ khẩu thường trú tại các xã thực thi Dự án RIDP.
2. Có đủ các điều kiện đáp ứng được yêu cầu chăn nuôi đực giống, bao gồm: lao động, khả năng tiếp thu được các kỹ thuật, kinh nghiệm về chăn nuôi và phối giống, có nguồn cung cấp thức ăn ổn định, chuồng trại và các điều kiện cần thiết khác; Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện kiểm tra, xác nhận đủ điều kiện tại khoản này.
3. Có đơn tự nguyện nhận chăn nuôi và cam kết sử dụng đực giống đúng mục đích chăm sóc, nuôi dưỡng, sử dụng đực giống đúng quy trình kỹ thuật và quy định của Quy chế này, đồng thời phải cam kết nhận nuôi đực giống là để phục vụ lợi ích chung của thôn bản và toàn xã thực hiện dự án.
4. Được cộng đồng (thôn, bản) tín nhiệm thông qua bình xét (khi đã có đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 điều này) và đề nghị Dự án RIDP giao đực giống.

Điều 6. Giao, nhận đực giống:

1. Việc giao, nhận đực giống được thực hiện thông qua Hợp đồng chăn nuôi trâu đực giống (hoặc bò đực giống), sau đây gọi tắt là Hợp đồng chăn nuôi;

Hợp đồng chăn nuôi được ký kết giữa Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (bên giao) với Hộ chăn nuôi (bên nhận) theo mẫu thống nhất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Hợp đồng chăn nuôi phải đảm bảo có đủ các nội dung cơ bản sau: loại đực giống, chất lượng, giá trị đực giống; địa điểm, thời gian, phương thức giao nhận; quyền lợi, nghĩa vụ của các bên; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng của các bên và các nội dung cần thiết khác.

2. Hợp đồng chăn nuôi là căn cứ pháp lý ràng buộc các bên ký kết phải cùng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, được hưởng quyền lợi của mình và phải chịu trách nhiệm do vi phạm hợp đồng đã ký kết theo đúng các quy định của Pháp luật và Quy chế này.

Chương III: QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA HỘ CHĂN NUÔI.

Điều 7. Quyền lợi của hộ chăn nuôi.

1. Được nhận chăn nuôi đực giống sau khi đã ký kết Hợp đồng theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

2. Được thu phí phối giống do hộ có trâu cái hoặc bò cái được phối giống đã có chữa chi trả; mức phí này do hộ chăn nuôi đực giống và hộ chăn nuôi trâu cái, bò cái được phối giống tự thỏa thuận để cùng thực hiện nhưng không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Sở Nông nghiệp và PTNT tính toán mức phí tối thiểu phải thu để bù đắp chi phí chăn nuôi đực giống cho hộ chăn nuôi và mức phí tối đa được thu, gửi Sở Tài chính - Vật giá thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức phí tối đa được thu.

3. Hàng năm được cán bộ thú y của Dự án tiêm phòng vắc xin miễn phí (gồm tiền thuốc và tiền công tiêm phòng) cho đực giống và tất cả đàn trâu, bò hiện có của hộ chăn nuôi.

4. Được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi, phối giống và phòng trị bệnh cho đực giống; hướng dẫn cách ghi sổ sách theo dõi phối giống và được cung cấp miễn phí các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, phối giống và phòng trừ bệnh cho trâu, bò.

5. Được Dự án RIDP hỗ trợ kinh phí vận chuyển (nếu có) khi thực hiện việc Điều chuyển đực giống theo quy định của Quy chế này.

Điều 8. Nghĩa vụ của hộ chăn nuôi :

1. Nuôi dưỡng, chăm sóc, đực giống đúng quy trình kỹ thuật.

2. Sử dụng đực giống đúng mục đích nêu tại Điều 1.

3. Tuân thủ quyết định luân chuyển, điều chuyển đực giống theo Điều 10 của Quy chế này.

4. Ghi chép sổ sách đầy đủ về kết quả phối giống. Báo cáo trung thực, chính xác, kịp thời số liệu về kết quả phối giống, tiền phí phối giống thu được với Ban phát triển xã.

5. Chịu sự quản lý, kiểm tra thường kỳ và đột xuất của Dự án RIDP.

6. Phải bồi thường thiệt hại trong các trường hợp đực giống bị chết, mất, thải loại do lỗi của hộ chăn nuôi.

Chương IV: QUẢN LÝ ĐỰC GIỐNG.

Điều 9. Đánh số tai, kiểm kê, giám định lại chất lượng đực giống.

1. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện thực hiện:

1.1- Đánh số tai, mở sổ sách theo dõi, ghi chép lý lịch toàn bộ đực giống giao cho Hộ chăn nuôi theo quy chế này.

1.2- Vào thời điểm ngày 1 tháng 10 hàng năm, tiến hành kiểm kê, bình tuyển, giám định lại chất lượng toàn bộ số lượng đực giống, ghi chép kết quả kiểm kê, giám định vào sổ theo dõi.

1.3- Thông qua việc kiểm kê, giám định lại chất lượng, lập báo cáo toàn diện tình hình quản lý, chăn nuôi, kết quả và hiệu quả sử dụng toàn bộ đực giống hiện có, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và PPCU.

2. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể các nội dung thực hiện tại khoản 1 Điều này, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Điều chuyển và luân chuyển đực giống.

1. Mỗi đực giống không được để phối giống trên cùng một địa bàn xã trong thời gian quá 3 năm (36 tháng) kể từ ngày phối giống con cái đầu tiên, để tránh tình trạng phối giống cận huyết, làm ảnh hưởng đến chất lượng đời sau.

Trường hợp hộ nhận chăn nuôi không thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chăn nuôi đực giống, vi phạm quỹ định của Quy chế này cũng phải điều chuyển đực giống cho hộ khác chăn nuôi, sử dụng.

2. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện trình Ủy ban nhân dân huyện quyết định luân chuyển, điều chuyển đực giống giữa các xã thực thi Dự án RIDP trong địa bàn huyện.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện lập kế hoạch luân chuyển đực giống trên địa bàn từng huyện và Quyết định điều chuyển đực giống giữa các xã không cùng huyện với nhau.

Điều 11. Trách nhiệm quản lý và kiểm tra thực hiện.

1. Ban phát triển thôn bản, Ban phát triển xã: trực tiếp quản lý toàn diện đàn đực giống trên địa bàn thôn bản và địa bàn xã; chịu trách nhiệm thường xuyên kiểm tra trực tiếp đến từng hộ chăn nuôi để theo dõi liên tục, kịp thời tình hình, kết quả quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và phối giống của đàn đực giống.

2. Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện:

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giống vật nuôi đối với toàn bộ đàn đực giống trên địa bàn huyện, chịu trách nhiệm:

2.1- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các Ban phát triển thôn bản, Ban phát triển xã thực hiện đúng Quy chế này; theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả quản lý, chăn nuôi, phối giống toàn bộ đàn đực giống trên địa bàn huyện.

2.2- Kiểm tra định kỳ: mỗi quý phải kiểm tra, đôn đốc trực tiếp được ít nhất đến 30 % số hộ chăn nuôi.

2.3- Thực hiện kịp thời việc kiểm tra đột xuất khi cần thiết đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Quy chế này.

3. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về giống vật nuôi đối với toàn bộ đàn đực giống trên địa bàn tỉnh, có trách nhiệm:

3.1- Thực hiện chế độ kiểm tra, đôn đốc định kỳ mỗi quý ít nhất một lần đến các Ban phát triển thôn bản, Ban phát triển xã; kiểm tra, đôn đốc đột xuất khi cần thiết đến các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3.2- Theo dõi, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện Quy chế này trên phạm vi toàn tỉnh.

4. Các cán bộ của PPCU, Ban phối hợp thực thi dự án huyện (DPCU) có trách nhiệm chủ động tham gia, phối hợp kiểm tra, đôn đốc thực hiện các quy định tại Quy chế này.

Chương V: **LOẠI THẢI, THANH LÝ ĐỰC GIỐNG** **VÀ XỬ LÝ KHI ĐỰC GIỐNG BỊ ỐM, MẤT HOẶC CHẾT.**

Điều 12. Loại thải và thanh lý đực giống:

1. Việc quyết định loại thải, thanh lý đực giống được thực hiện thông qua Hội đồng thanh lý đực giống.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập Hội đồng thanh lý đực giống, bao gồm các thành phần:

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Chủ tịch Hội đồng;

Đại diện các cơ quan, đơn vị sau tham gia làm thành viên: Phòng Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Chi cục Thú y; Sở Tài chính - Vật giá, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; PPCU, DPCU, Ban Phát triển dự án xã và có thể mời thêm các chuyên gia của Viện Chăn nuôi, Trường Đại học;

Hội đồng thanh lý đực giống có trách nhiệm xây dựng Quy chế và kế hoạch hoạt động cụ thể.

3. Việc thực hiện loại thải, thanh lý đực giống phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý giống vật nuôi và quản lý tài sản, tiền vốn của Nhà nước.

Điều 13. Trường hợp đực giống bị ốm:

1. Hộ chăn nuôi phải báo cáo kịp thời với Ban phát triển thôn bản, Ban phát triển xã; Ban phát triển xã phải báo cáo ngay với cán bộ thú y hoặc Trạm thú y huyện;

2. Trạm thú y huyện có trách nhiệm cử cán bộ (hoặc trực tiếp cán bộ thú y nhận được tin báo) kịp thời xuống tận nơi có đực giống bị ốm để khám, chữa bệnh; Tiền thuốc và tiền công khám chữa bệnh cho đực giống do hộ chăn nuôi chi trả.

Điều 14. Trường hợp đực giống bị chết hoặc bị mất:

1. Hộ chăn nuôi phải báo cáo ngay với Ban phát triển thôn bản, Ban phát triển xã các trường hợp đực giống bị chết (hoặc bị mất).

2. Ban phát triển thôn, Ban phát triển xã: mời trạm Thú y huyện (trường hợp đực giống bị chết) để tiến hành kiểm tra, lập biên bản, làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của hộ chăn nuôi.

Các trường hợp cá biệt Trạm Thú y huyện phải báo cáo Chi cục Thú y và Ủy ban nhân dân huyện.

3. Trường hợp đực giống bị mất, chết do các nguyên nhân bất khả kháng như: thiên tai (bão, lũ lụt, sét đánh...), tai nạn: phải được lập biên bản tại chỗ xác định rõ nguyên nhân; thành phần lập biên bản gồm: chủ hộ chăn nuôi đực giống, Ban phát triển thôn, bản, Ban phát triển xã, UBND xã và trạm Thú y huyện, DPCU; biên bản lập xong gửi Hội đồng thanh lý xem xét, giải quyết.

Chương VI:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Khen thưởng.

Hộ gia đình chăn nuôi tốt, đực giống khoẻ mạnh, phối giống đạt kết quả cao sẽ được khen thưởng theo quy định hiện hành.

Điều 16. Xử lý vi phạm.

1. Hộ chăn nuôi phải bồi thường cho Dự án RIDP bằng tiền toàn bộ giá trị đực giống theo giá thị trường tại thời điểm đền bù, trong các trường hợp sau:

1.1- Không thực hiện đúng quy trình kỹ thuật chăn nuôi, sử dụng sai mục đích dẫn đến tình trạng đực giống bị ốm, chết.

1.2- Để mất hoặc chết đực giống do không thực hiện các biện pháp bảo vệ trong khả năng có thể của hộ chăn nuôi, phù hợp với các quy định tại Điều 5, Điều 8 của Quy chế này.

2. Căn cứ các tài liệu, hồ sơ tại Điều 14, Hội đồng thanh lý đực giống xem xét, quyết định việc đền bù tại khoản 1 Điều này. Tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, ngoài việc đền bù theo các quy định trên, trường hợp nghiêm trọng còn bị xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 17. Chế độ Báo cáo.

Hàng quý, 6 tháng và hàng năm, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả, tiến độ thực hiện các nội dung của bản Quy chế này trên địa bàn huyện.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể về: nội dung, mẫu biểu báo cáo; thời gian gửi báo cáo, các nội dung khác có liên quan và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Điều khoản thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có những nội dung cần thiết phải bổ sung, sửa đổi Quy chế này, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG



Hà Phúc Mịch